

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2021/HS-ST**  
Ngày 16 - 12 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Sáu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Hoàng Nghiệp;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 378/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

**Dương Văn T**, sinh năm 1965, tại An Phú, An Giang; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Dương Văn T3, sinh năm 1940 (chết) và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1941; anh, chị, em có 07 người, bị cáo là người thứ nhất; vợ tên Huỳnh Thị H3, sinh năm 1963; có 03 con, con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1990.

Tiền án, tiền sự : Chưa.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/6/2021 đến nay.

Bị cáo vắng mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Trần Văn H, sinh năm 1980; cư trú: Ấp Đ, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Lư Thanh S, sinh năm 1990; cư trú: Ấp V, xã VT, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Lý Ngọc H, sinh năm 1962; cư trú: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang;

4. Đỗ Văn M, sinh năm 1988; ĐKHKT: Ấp Q, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Trịnh Thị M1, sinh năm 1997; ĐKHKT: Ấp Q, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Đoàn Văn T1, sinh năm 1978; ĐKHKT: Xã T, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

7. Trịnh Thị H1, sinh năm 1985; ĐKHKT: Ấp Q, xã QT, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

8. Đoàn Thị Như H2, sinh năm 2003; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

9. Đoàn Thị Mai T2, sinh năm 2007; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

10. Đoàn Văn N, sinh năm 2004; Chỗ ở: Phòng trọ số 39, nhà trọ Mười Trà, khu phố B1, phường Chánh Phú, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Người làm chứng:*

1. Huỳnh Thị H3, sinh năm 1963;

2. Dương Văn T4 sinh năm 1973.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng đều vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 30/5/2021, Đoàn Văn T1 gọi điện thoại cho Dương Văn T đưa T1 cùng 08 người xuất cảnh trái phép sang Campuchia và nhập cảnh trái phép về Việt Nam, T đồng ý thỏa thuận tiền công là 1.000.000 đồng/lượt/người, không tính tiền trẻ em.

Khoảng 23 giờ cùng ngày, Đoàn Văn T1 cùng Trịnh Thị H1, Đoàn Thị Như H2, Đoàn Thị Mai T2, Đoàn Văn N, Đỗ Văn M, Trịnh Thị M1, Đỗ Thị

Kim Y, Lư Thanh S, đi trên 04 xe mô tô từ tỉnh Bình Dương đến khu vực xã Phú Hữu, huyện An Phú thì được T dẫn về nhà để 04 xe mô tô tại nhà T, rồi T dẫn 09 người lại bờ sông nơi T đã neo đậu chiếc xuồng gỗ đã chuẩn bị sẵn. T hướng dẫn T1 lấy xuồng chở người qua sông để đi theo đường mòn xuất cảnh trái phép sang Campuchia.

Ngày 04/6/2021, T1 điện thoại thống nhất với T về thời gian, địa điểm để T tổ chức cho đoàn người này nhập cảnh trái phép về Việt Nam. Khoảng 04 giờ ngày 05/6/2021, T lấy xuồng gỗ bơi qua sông chở M, M1, Y, H2 và N về Việt Nam rồi dẫn 05 người về nhà T để lấy 02 xe mô tô trở về Bình Dương. Tại đây, M trả tiền công cho T là 9.000.000 đồng. Đến 04 giờ ngày 06/6/2021, T tiếp tục sử dụng xuồng bơi qua sông để đón T1, H1 và T2 về Việt Nam. T1 trả cho T 6.000.000 đồng. Ngay sau đó, hành vi phạm tội của Dương Văn T bị phát hiện.

Ngày 25/6/2021, Dương Văn T bị khởi tố, điều tra.

Cáo trạng số 81/CT-VKSAG-P1 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Hội đồng xét xử công bố Tờ tự khai ngày 22/6/2021; các biên bản hỏi cung ngày 28/6/2021, ngày 13/7/2021 và 22/9/2021; công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng.

Theo Tờ tự khai và các biên bản hỏi cung, bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án. Mục đích bị cáo đưa T1 và những người thân của T1 sang Campuchia là để họ dự đám tang cha vợ của T1. Bởi trước đây bị cáo có mối quan hệ quen biết với T1, đồng thời để có tiền trả nợ vật tư và mua giống sản xuất nên bị cáo đã tổ chức đưa, đón T1 cùng những người thân của T1 dự đám tang ở Campuchia.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn T1, Trịnh Thị H1, Đoàn Thị Như H2, Đoàn Thị Mai T2, Đoàn Văn N, Đỗ Văn M, Trịnh Thị M1, Đỗ Thị Kim Y, Trịnh Văn S: Do cần tham dự đám tang của ông Trịnh Văn Sơn (cha vợ của T1) ở Campuchia, nên T1 đại diện liên hệ với T thỏa thuận tiền công đưa mỗi người đi sang Campuchia và nhập cảnh vào Việt Nam là 1.000.000 đồng/lượt/ người, T đồng ý. Ngày 30/5/2021, nhóm của T1 sử dụng xe mô tô di chuyển từ tỉnh Bình Dương đến nhà của T ở tỉnh An Giang, T hướng dẫn 09 người trong nhóm của T1 xuất cảnh trái phép sang Campuchia. Ngày 05/6/2021 và 06/6/2021 T lần lượt dùng xuồng chở M, M1, Y, H2, N và T1, H1, T2 về Việt Nam.

Những người làm chứng khai phù hợp nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm

nhẹ; tình hình an ninh trật tự; mức độ nguy hiểm của hành vi và nhân thân bị cáo, đã đề nghị tuyên bị cáo Dương Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép*”. Đề nghị áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; xử phạt từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tù về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”. Hình phạt chung bị cáo phải chịu từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị áp dụng các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng còn lại trong vụ án và số tiền bị cáo giao nộp.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố Tụng hình sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị cáo vắng mặt nhưng có đơn xin không tham gia phiên tòa, lý do bị cáo đang bị nhiễm virus SARS-CoV-2. Đơn có xác nhận của Ban giám thị Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tất cả đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, các lời khai đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại các điều 290, 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Xét thấy lời khai của bị cáo Dương Văn T trong giai đoạn điều tra phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp Biên bản khám nghiệm hiện trường (cùng bản ảnh, sơ đồ hiện trường) ngày 27/6/2021; Kết luận giám định số 169/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 19/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang (kèm phụ lục) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Thông qua trao đổi với Đoàn Văn T1, khoảng 23 giờ 00 phút ngày 30/5/2021, T dùng xuồng gỗ chở

và hướng dẫn 09 người gồm Đoàn Văn T1, Trịnh Thị H1, Đoàn Thị Như H2, Đoàn Thị Mai T2, Đoàn Văn N, Đỗ Văn M, Trịnh Thị M1, Đỗ Thị Kim Y, Trịnh Văn S xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Campuchia. Ngày 05/6/2021 và ngày 06/6/2021, T lấy xuồng gỗ bơi qua sông chở M, M1, Y, H2, N và T1, H1, T2 về Việt Nam. Tổng số tiền T nhận trong các lần đưa, rước những người này xuất cảnh, nhập cảnh là 15.000.000 đồng.

Bị cáo T là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi. Từ đó có đủ cơ sở kết luận, hành vi của Dương Văn T đã phạm vào tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình và tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình. Xác định, truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo Dương Văn T theo Cáo trạng số 81/CT-VKSAG-P1 ngày 04 tháng 11 năm 2021 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh nói riêng, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nói chung; vi phạm quy định của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid -19. Hành vi của bị cáo còn có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, an toàn của cộng đồng.

[2.3] Nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là do ý thức chấp hành pháp luật kém; là người ở khu vực biên giới, thường xuyên qua lại nên rành đường. Đồng thời, việc đưa người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép thu được nhiều tiền, nên khi T1 điện thoại trao đổi thì bị cáo nhận lời và thực hiện hành vi phạm tội. Số tiền mà bị cáo T được trả công đưa người xuất cảnh, nhập cảnh từ Việt Nam sang Campuchia và ngược lại là 15.000.000 đồng. Số tiền này bị cáo đã sử dụng mua hạt giống, trả nợ và tiêu xài cá nhân, hiện bị cáo đã nộp lại toàn bộ số tiền do phạm tội mà có.

Mặc dù bị cáo cho rằng vì sự quen biết và vì T1 và những người thân của T1 sang dự đám tang ở Campuchia nên bị cáo mới tổ chức đưa, rước. Tuy nhiên, việc bị cáo thỏa thuận nhận tiền cho thấy động cơ, mục đích thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo là vì lợi ích vật chất.

[2.4] Bên cạnh hành vi phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép*” của bị cáo T còn có nhiều người khác có nhu cầu xuất cảnh, nhập cảnh, ý thức pháp luật kém, cố tình vi phạm, đã gây khó khăn cho lực lượng chức năng trong việc kiểm soát người xuất cảnh, nhập cảnh; gây hoang mang, bức xúc trong Nhân dân. Trong khi mọi người dân đang ra sức thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đặc biệt là công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh. Kể từ khi xảy ra dịch Covid-19 đến nay, cả hệ thống chính trị, nhân dân An Phú trong đó đặc biệt là các lực lượng Bộ đội Biên phòng, Công an, Quân đội ...đang ngày đêm túc trực canh gác theo các tuyến biên giới, kiểm soát chặt người qua lại biên giới,

nhằm phòng, chống lây lan dịch bệnh, đảm bảo an toàn xã hội thì bị cáo lại có hành vi đi ngược lại với chủ trương của Chính phủ về thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; đi ngược lại với lợi ích chung của cộng đồng. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thật thật khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; đã nộp lại toàn bộ số tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có; khi bị phát hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh, bị cáo đã khai ra hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trước đó. Ngoài ra, bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, ít am hiểu pháp luật, là lao động chính nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 nên được xem xét áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất theo khung hình phạt bị truy tố theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của Viện đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là có căn cứ. Cần thiết áp dụng hình phạt nghiêm, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thêm một thời gian nữa, nhằm có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo để bị cáo nhận thức được hành vi sai trái, khắc phục, sửa đổi, trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo thuộc thành phần nông dân, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên thống nhất đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Đối với Đoàn Văn T1 có hành vi câu móc với T đưa T1 cùng người thân xuất cảnh, nhập cảnh trái phép, mục đích là về dự đám tang cha vợ tại Campuchia nhưng không vụ lợi, nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với T1 là có căn cứ. Tuy nhiên, Đoàn Văn T1 đã có hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh“. T1 vi phạm lần đầu, nên Cơ quan An ninh Điều tra có văn bản đề nghị cơ quan chức năng xử lý hành chính là đúng quy định.

- Đối với Trịnh Thị H1, Đoàn Thị Như H2, Đỗ Văn M, Trịnh Thị M1, Trịnh Văn S đã có hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh“. Các đối tượng này đều mới vi phạm lần đầu, Cơ quan An ninh Điều tra có văn bản đề nghị cơ quan chức năng xử lý hành chính là đúng quy định.

- Đối với Đoàn Thị Mai T2, Đỗ Thị Kim Y, Đoàn Văn N đã có hành vi “Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh”, tuy nhiên thời điểm những người này vi phạm là dưới 16 tuổi, do đó đề nghị Cơ quan có thẩm quyền phối hợp chính quyền địa phương giáo dục, răn đe là phù hợp.

[6] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen; 01 (một) chiếc xuống gỗ có kích thước 6,76m x 0,5m x 0,4m; 01 (một) Quyển tập có 42 trang; số tiền 15.000.000 đồng, được xử lý như sau:

- Đối với điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen bị cáo T đã sử dụng làm phương tiện liên hệ với T1 thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với chiếc xuống gỗ có kích thước 6,76m x 0,5 m x 0,4m bị cáo T sử dụng làm phương tiện đưa người khác xuất cảnh, nhập cảnh, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với quyển tập có 42 trang (loại tập học sinh), bên trong có ghi các số điện thoại, từng trang có chữ viết, chữ số và có chữ ký xác nhận của bị cáo T. Đây là tài liệu, chứng cứ có liên quan vụ án, nên tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

- Đối với số tiền 15.000.000 đồng do bị cáo T giao nộp, đây là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh trái phép*”.

2. Về hình phạt:

*Căn cứ các điểm b, c khoản 2 Điều 348, điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 55 của Bộ luật Hình sự,*

Xử phạt bị cáo Dương Văn T

- 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”;

- 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép*”,

Hình phạt chung bị cáo Dương Văn T phải chịu là 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày bắt tạm giam 27/6/2021 (*Ngày hai mươi bảy tháng sáu năm hai nghìn không trăm hai mươi M*).

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

*Căn cứ các điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,*

- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) Điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, số sê ri: 053101113075344, kèm theo sim số thuê bao 0368551413;

+ 01 (một) chiếc xuống gỗ có kích thước 6,76m x 0,5m x 0,4m;

+ Tiền Việt Nam 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng.

- Tuyên tịch thu lưu hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển tập có 42 trang (loại tập học sinh), bên trong có ghi các số điện thoại, từng trang có chữ ký của Dương Văn T.

*(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/11/2021 giữa Cơ quan An ninh điều tra – Công an tỉnh An Giang và Chi cục Thi H1nh án dân sự huyện An Phú; các biên lai thu tiền số 0002935 ngày 08/12/2021 và 0002935 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).*

4. Về án phí:

*Căn cứ các điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;*

*Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,*

Bị cáo Dương Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

*Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,*

Án tuyên công khai vắng mặt bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Thời hạn kháng cáo của bị cáo Dương Văn T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Viện KSND huyện An Phú (1);
- Viện KSND tỉnh An Giang (1)
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Thi hành án DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (1);
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (1);
- Bị cáo (1);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (9);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Văn Sáu**

